

Bản án số: 69/2019/DSST

Ngày: 19/6/2019

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư

2. Bà Võ Thị Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Công – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 424/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần P; trụ sở chính Đường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần P.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn H – Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ Ngân hàng thương mại cổ phần P – Chi nhánh Vinh Long, văn bản ủy quyền số: 53/2018/UQ-OCB-CNVL, ngày 22/12/2018. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Trần Vĩnh K và bà Phạm Thị K; cùng địa chỉ khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà K: Ông Trần Vĩnh K, sinh năm 1961; địa chỉ khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05/4/2019) (có đơn xin vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Trần Thị Ngọc N, Trần Thị Ngọc H và Trần Tiểu P; cùng địa chỉ khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/8/2018 của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần P, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết cũng nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, ông Dương Văn H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 05/01/2016, ông Trần Vĩnh K và bà Phạm Thị K có ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần P (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng số: 0003/2016/HĐTD-CN, để vay số tiền 645.000.000đ (Sáu trăm bốn mươi lăm triệu đồng), mục đích vay để mua xe ô tô hiệu Hyundai HD78; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất thả nổi điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần.

Đến ngày 27/6/2016, ông K và bà K tiếp tục ký kết với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số: 0406/2016/HĐTD-CN, để vay số tiền 1.060.000.000đ (Một tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng), mục đích vay để mua xe ô tô tải hiệu Hino 6T4; thời hạn vay 72 tháng; lãi suất thả nổi điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền vay trên, ông K, bà K đã ký kết các hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 0003A/2016/BĐ, ngày 09/01/2016; tài sản thế chấp là xe ô tô biển số 84C-035.99 do ông Trần Vĩnh K đứng tên.

2. Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 0406B/2016/BĐ, ngày 28/6/2016; tài sản thế chấp là xe ô tô biển số 84C-042.69 do ông Trần Vĩnh K đứng tên.

3. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0406A/2016/BĐ, ngày 27/6/2016; tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 197170, thuộc thửa số 125, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh do hộ ông Trần Vĩnh K đứng tên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được một phần tiền vốn và lãi, đồng thời, nguyên đơn đã giải chấp tài sản thế chấp cho bị đơn đối với hợp đồng thế chấp xe ô tô biển số 84C-042.69, sau đó ngưng không thanh toán nữa. Nguyên đơn đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không thanh toán. Tính đến ngày 19/6/2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền vốn gốc là 582.040.000đ và tiền lãi bằng 252.352.204đ, tổng cộng bằng 834.392.204đ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chấm dứt hợp đồng tín dụng, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn các khoản tiền vốn, lãi như trên và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp bị đơn không khả năng thanh toán thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp còn lại để thanh toán nợ cho nguyên đơn.

Tại Biên bản hòa giải ngày 18/01/2019, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết bị đơn Trần Vĩnh K trình bày:

Ông K thừa nhận ông và vợ ông là bà Phạm Thị K có ký kết các Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản như nguyên đơn trình bày là đúng. Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông đã thanh toán cho nguyên đơn một phần và được nguyên đơn giải chấp tài sản như nguyên đơn trình bày. Hiện nay vợ chồng ông còn nợ tiền vốn lãi như nguyên đơn trình bày; ông đồng ý hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền này, tuy nhiên, do ông làm ăn thất bại nên không khả năng thanh toán, hiện nay kinh tế gặp nhiều khó khăn nên ông đề nghị xin miễn tiền lãi và đồng ý để cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm chị Trần Thị Ngọc N, Trần Thị Ngọc H và Trần Tiểu P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng các đương sự không có bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qui trình nhận đơn, thu thập chứng cứ của Thẩm phán đúng trình tự thủ tục tố tụng; về thời hạn xét xử chưa đảm bảo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về Hội đồng xét xử thực hiện nguyên tắc xét xử đúng trình tự thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của các đương sự được thực hiện nghiêm túc.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 26, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P. Buộc ông K, bà K trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn, lãi bằng 834.392.204đ. Tiền lãi được tiếp tục tính từ ngày 20/6/2019 theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc.

Trường hợp bị đơn không thanh toán hết nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng số: 0406B/2016/BĐ, ngày 28/6/2016 và số: 0406A/2016/BĐ, ngày 27/6/2016 để thu hồi nợ cho nguyên đơn.

Buộc ông K, bà K chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là cá nhân không có đăng ký kinh doanh trả lại tiền vốn, lãi vay theo các hợp đồng tín dụng, ngoài ra, trong hợp đồng tín dụng nguyên và bị đơn có thỏa thuận thẩm quyền giải quyết là Tòa án nơi có trụ sở của nguyên đơn giải quyết, cho nên, đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng dân sự “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân

sự năm 2005 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã triệu tập hợp lệ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Ngọc N, Trần Thị Ngọc H và Trần Tiểu P để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng các đương sự vẫn vắng mặt; riêng ông Trần Vĩnh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với ông Nguyễn Văn T, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, qua đó đã xác định ông T là người đang quản lý tài sản thế chấp là xe ô tô biển số 84C-035.99, cho nên, Tòa án đã đưa ông T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, vào ngày 12/6/2019 ông T đã trả lại xe cho ông K và ông K đã đồng ý bàn giao xe cho nguyên đơn tạm quản lý để xử lý theo quy định của pháp luật. Xét thấy, hiện nay ông T không có quyền và nghĩa vụ gì trong vụ án này, cho nên, Hội đồng xét xử không đưa ông T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 6 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần P, Hội đồng xét xử thấy: Xét các Hợp đồng tín dụng số: 0003/2016/HĐTD-CN, ngày 05/01/2016 và Hợp đồng tín dụng số: 0406/2016/HĐTD-CN, ngày 27/6/2016 đã được nguyên và bị đơn thừa nhận ký kết trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc; có hình thức và nội dung không trái pháp luật hay trái đạo đức xã hội, nên có giá trị pháp lý để thực hiện. Trong quá trình giải quyết, ông K thừa nhận ông và bà K có vay và còn nợ tiền vốn, lãi như nguyên đơn trình bày là đúng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định ông Trần Vĩnh K và bà Phạm Thị K còn nợ **Ngân hàng TMCP P số tiền vốn và tiền lãi bằng 834.392.204đ từ các Hợp đồng tín dụng nêu trên. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng** bị đơn không trả tiền vốn, lãi đúng như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cho nên, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn hoàn trả tiền vốn, lãi là có cơ sở chấp nhận, phù hợp khoản 1, khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng. Đối với tiền lãi bị đơn có yêu cầu xem xét miễn tiền lãi cho bị đơn, nhưng ông H đại diện cho nguyên đơn không đồng ý, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Xét việc nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình giải quyết, ông K thừa nhận việc ký kết các hợp đồng thế chấp như nguyên đơn trình bày là đúng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì nguyên đơn đã giải chấp tài sản cho bị đơn theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 0406B/2016/BĐ, ngày 28/6/2016, tại phiên tòa hôm nay các đương sự không có yêu cầu gì đối với hợp đồng thế chấp này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét các Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 0003A/2016/BĐ, ngày 09/01/2016 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0406A/2016/BĐ, ngày 27/6/2016 đã được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc, không trái pháp luật hay đạo đức xã hội và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005; xét về mặt hình thức thì các hợp đồng thế chấp đã được chứng nhận của Phòng công chứng và có đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền là phù hợp với Điều 343 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 3 Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013, cho nên, các hợp đồng thế chấp là hoàn toàn hợp pháp. Do đó, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với Điều 355, Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005, như vậy, đến thời điểm thanh toán mà bị đơn không khả năng thanh toán thì tài sản thế chấp của bị đơn được xử lý theo phương thức do các bên thỏa thuận hoặc nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để thu hồi nợ.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, cho nên căn cứ Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí này bằng 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng), tuy nhiên, nguyên đơn đã tạm ứng chi đủ, cho nên bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn.

[7] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm bằng 37.032.000đ (Ba mươi bảy triệu không trăm ba mươi hai ngàn đồng) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần P, có ông Dương Văn H làm đại diện.

Buộc ông Trần Vĩnh K và bà Phạm Thị K trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền vốn vay 582.040.000đ (Năm trăm tám mươi hai triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng) và tiền lãi 252.352.204đ (Hai trăm năm mươi hai triệu

ba trăm năm mươi hai ngàn hai trăm lẻ bốn đồng). Tổng cộng làm tròn bằng 834.392.000đ (Tám trăm ba mươi bốn triệu ba trăm chín mươi hai ngàn đồng).

Thời hạn thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông K, bà K không thanh toán hoặc thanh toán chưa hết nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần P có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

- Xe ô tô biển số 84C-035.99, hiệu Hyundai, do ông Trần Vĩnh K đứng tên giấy chứng nhận. Theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: **0003A/2016/BĐ**, ngày 09/01/2016, được Văn phòng Công chứng Thanh Thanh số: 76, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 09/01/2016; đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 05/01/2016.

- Quyền sử dụng đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 197170, thửa đất 125, tờ bản đồ 27, diện tích 245,9m², tọa lạc tại khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, do hộ ông Trần Vĩnh K đứng tên. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: **0406A/2016/BĐ**, ngày 27/6/2016, được chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, số 292, quyền số 01/2016 SCT/HĐ,GD, ngày 27/6/2016; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Trà Vinh, ngày 27/6/2016.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Buộc ông Trần Vĩnh K và bà Phạm Thị K chịu 37.032.000đ (Ba mươi bảy triệu không trăm ba mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần P được nhận lại số tiền 25.392.000đ (Hai mươi lăm triệu ba trăm chín mươi hai ngàn đồng) đã tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0004187, ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Buộc ông Trần Vĩnh K và bà Phạm Thị K nộp 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ để trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P.

3. Nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19/6/2019), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

3.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trần Vĩnh K, bà Phạm Thị K, chị Trần Thị Ngọc N, chị Trần Thị Ngọc H và chị Trần Tiểu P được quyền kháng cáo bản án này trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Các đ/s;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Tấn Thành